

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố lại Hệ thống Quản lý chất lượng phù hợp
với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Vinh Xuân**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng, áp dụng, công bố, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và hoạt động kiểm tra tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ xác nhận của Trưởng Ban Chỉ đạo, điều hành về việc Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng có hiệu lực;

Xét đề nghị của Văn phòng thông kê xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại Hệ thống Quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân xã Vinh Xuân phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 55a/QĐ-UBND vào ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch UBND xã.

Điều 3. Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Ban Chỉ đạo ISO xã, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- UBND Huyện (b/c);
- Phòng Nội vụ Huyện (b/c);
- Chủ tịch và PCT UBND xã;
- Lưu: VP, BCĐ ISO.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đồng

**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND XÃ VINH XUÂN
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA
TCVN ISO 9001:2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:205/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã)*

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ TÀI LIỆU
A	Các tài liệu bắt buộc của hệ thống	
1	Chính sách chất lượng	
2	Mục tiêu chất lượng (MTCL), Kế hoạch thực hiện MTCL, Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng	
3	Sổ tay chất lượng	STCL
4	Quy trình kiểm soát tài liệu	QT-ISO-KSTL
5	Quy trình kiểm soát hồ sơ	QT-ISO-KSHS
6	Quy trình đánh giá nội bộ	QT-ISO-ĐGNB
7	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp	QT-ISO-KSKPH
8	Quy trình hành động khắc phục	QT-ISO-HĐKP
9	Quy trình giải quyết rủi ro và cơ hội	QT-ISO-GQRR&CH
B	Các quy trình nội bộ	
C	Các quy trình giải quyết thủ tục hành chính	
I	Lĩnh vực Người có công (2 thủ tục)	
1.	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-NCC-01
2.	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	QT-NCC-02
II	Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em (6 thủ tục)	
3	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT-BVCSTE-01
4	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT-BVCSTE-02
5	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	QT-BVCSTE-03
6	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay	QT-BVCSTE-04

	thể không phải là người thân thích của trẻ em	
7	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	QT-BVCSTE-05
8	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT-BVCSTE-06
III	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (8 thủ tục)	
9	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật	QT-BTXH-01
10	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	
11	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT-BTXH-02
12	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	QT-BTXH-03
13	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	QT-BTXH-04
14	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	QT-BTXH-05
15	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	
16	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.	QT-BTXH-06
IV	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (5 thủ tục)	
17	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	QT-PCTNXH-01
18	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	
19	Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng	
20	Hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	QT-PCTNXH-02
21	Miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	
V	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo (5 thủ tục)	
22	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QT-GDĐT-01
23	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT-GDĐT-02

24	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	QT-GDDT-03
25	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT-GDDT-04
26	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).	
VI	Lĩnh vực y tế (1 thủ tục)	
27	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	QT-YT-01
VII	Nội vụ (14 TTHC)	
	1. Lĩnh vực Tôn giáo (10 TTHC)	
28	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QT-TG-01
29	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	
30	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-TG-02
31	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT-TG-03
32	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	
33	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-TG-04
34	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	QT-TG-05
35	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QT-TG-06
36	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-TG-07
37	Thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT-TG-08
	2. Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng (04 TTHC)	
38	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT-TĐKT-01
39	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề	QT-TĐKT-02
40	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	QT-TĐKT-03
41	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT-TĐKT-04
VIII	Lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn (05 TTHC)	

	1. Lĩnh vực Phát triển nông thôn (04 TTHC)	
42	Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản	QT-PTNT-01
43	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT-PTNT-02
44	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT-PTNT-03
45	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ cho UBND cấp xã thực hiện)	QT-PTNT-04
	2. Lĩnh vực Khuyến nông (01 TTHC)	
46	Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương	QT-KN-01
IX	Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường (06 TTHC)	
	1. Lĩnh vực Môi trường (04 TTHC)	
47	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	QT-MT-01
48	Tham vấn ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường	QT-MT-02
49	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	QT-MT-03
50	Tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết	QT-MT-04
	2. Lĩnh vực Đất đai (02 TTHC)	
51	Hòa giải tranh chấp đất đai	QT-ĐĐ-01
52	Cung cấp dữ liệu đất đai	QT-ĐĐ-02
X	Lĩnh vực Tư pháp (42 TTHC)	
	1. Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật (02 TTHC)	
53	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QT-GDPL-01
54	Miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật	QT-GDPL-02
	2. Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở (04 TTHC)	
55	Công nhận hòa giải viên	QT-HGCS-01
56	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	
57	Thôi làm hòa giải viên	QT-HGCS-02
58	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT-HGCS-03
	3. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (01 TTHC)	

59	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	QT-BTNN-01
4. Lĩnh vực chứng thực (11 TTHC)		
60	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-CT-01
61	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-CT-02
62	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản	QT-CT-03
63	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT-CT-04
64	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-CT-05
65	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-CT-06
66	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-CT-07
67	Chứng thực di chúc	QT-CT-08
68	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT-CT-09
69	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
70	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
5. Lĩnh vực Hộ tịch (20 TTHC)		
71	Đăng ký khai sinh	QT-HT-01
72	Đăng ký kết hôn	QT-HT-02
73	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-HT-03
74	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-HT-04
75	Đăng ký khai tử	QT-HT-05
76	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT-HT-06
77	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
78	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
79	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
80	Đăng ký giám hộ	QT-HT-07

81	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QT-HT-08
82	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	QT-HT-09
83	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT-HT-10
84	Đăng ký lại khai sinh	QT-HT-11
85	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
86	Đăng ký lại kết hôn	
87	Đăng ký lại khai tử	QT-HT-12
88	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QT-HT-13
89	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT-HT-14
90	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT-HT-15
	6. Lĩnh vực nuôi con nuôi (03 TTHC)	
91	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT-NCN-01
92	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT-NCN-02
93	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT-NCN-03
XI	Lĩnh vực dân tộc liên thông (2 TTHC)	
94	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT-DTLT-01
95	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT-DTLT-02
XII	Lĩnh vực người có công liên thông (21 TTHC)	
96	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-NCCLT-01
97	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	QT-NCCLT-02
98	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	QT-NCCLT-03
99	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	QT-NCCLT-04
100	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT-NCCLT-05

101	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần	QT-NCCLT-06
102	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	QT-NCCLT-07
103	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	QT-NCCLT-08
104	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	QT-NCCLT-09
105	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	QT-NCCLT-10
106	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	QT-NCCLT-11
107	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-NCCLT-12
108	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-NCCLT-13
109	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-NCCLT-14
110	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-NCCLT-15
111	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	QT-NCCLT-16
112	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT-NCCLT-17
113	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	QT-NCCLT-18
114	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban	QT-NCCLT-19

	nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
115	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia	QT-NCCLT-20
116	Đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng	QT-NCCLT-21
XIII	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội xã hội liên thông (08 TTHC)	
117	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	QT-BTXH-01
118	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT-BTXH-02
119	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật, người khuyết tật mang thai nuôi con dưới 36 tháng tuổi), hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT-BTXH-03
120	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-BTXH-04
121	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	QT-BTXH-05
122	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	QT-BTXH-06
123	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	QT-BTXH-07
124	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT-BTXH-08
XIV	Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn liên thông (02 TTHC)	
125	Cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT-PTNT-01
126	Cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT-PTNT-02